

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp học bổng khen thưởng sinh viên học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ
năm học 2025-2026 (Đợt 1)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-ĐHSPKT ngày 05/02/2024 về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ người học tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM;

Căn cứ Thông báo số 3247/TB-ĐHSPKT ngày 17/09/2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM về việc khen thưởng sinh viên học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng trị giá **2.500.000đ/SV** cho **99** sinh viên đã học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ và có chứng chỉ quốc tế đạt yêu cầu (Danh sách đính kèm) với tổng số tiền là **247.500.000đ** (Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp học bổng bằng hình thức chuyển khoản 01 lần, trích từ Quỹ hỗ trợ người học tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 4504/QĐ-ĐHSPKT ngày 25/11/2025.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS&CTSV, An (4b).

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hiếu Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHEN THƯỞNG HỌC NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ
NĂM HỌC 2025-2026 (ĐỢT 1)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSPKT ngày tháng năm 2025)

STT	Họ và tên	MSSV	Khoa	Chứng chỉ ngoại ngữ			Số tiền (đ)
				IELTS	VSTEP	HSK	
1	Nguyễn Hữu Đạt	24145220	Cơ khí động lực	8.0			2.500.000
2	Trần Đại Phước	25145097	Đào tạo Quốc tế	8.0			2.500.000
3	Nguyễn Thanh Huy	25128025	Đào tạo Quốc tế	8.0			2.500.000
4	Nguyễn Ngọc Minh	25950024	Ngoại ngữ	8.0			2.500.000
5	Lê Hồ Thanh Tú	25131171	Ngoại ngữ	8.0			2.500.000
6	Phạm Trọng Nhân	24131102	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
7	Trần Gia Thành	25142107	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
8	Phạm Thành Tín	25133074	Công nghệ thông tin	7.5			2.500.000
9	Đặng Gia Hưng	25950015	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000

10	Nguyễn Ngọc Thuỳ Dương	25950006	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
11	Trần Duy Nhật Tiến	23950017	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
12	Nguyễn Nguyên Khang	22149015	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
13	Trần Minh Huy	25146042	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
14	Nguyễn Lưu Bảo Thanh	25131143	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
15	Lữ Phú Thuận	22950019	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
16	Phạm Xuân Tâm	25146093	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
17	Trần Quỳnh Anh	25124081	Kinh tế	7.5			2.500.000
18	Nguyễn Đình Khôi Nguyên	25142087	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
19	Lê Nguyễn Thảo Anh	25950001	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
20	Lê Trung Hiếu	25119013	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
21	Phan Minh Thảo	25144104	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
22	Ngô Minh Khang	25145269	Cơ khí động lực	7.5			2.500.000
23	Nguyễn Trần Quang Minh	24131085	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
24	Nguyễn Đình Minh Đức	25134019	Cơ khí chế tạo máy	7.5			2.500.000
25	Nguyễn Viết Phú	25144086	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
26	Trần Kỳ Quang	24144082	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
27	Nguyễn Trọng Xuân Uyên	25161224	Điện - Điện tử	7.5			2.500.000
28	Trần Duy Khang	25119096	Điện - Điện tử	7.5			2.500.000
29	Lê Đình Trung	25146113	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000

30	Nguyễn Đình Thanh Sơn	24162108	Công nghệ thông tin	7.5			2.500.000
31	Phạm Công Minh	25151079	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
32	Lê Trọng Phúc	25143326	Cơ khí chế tạo máy	7.5			2.500.000
33	Phạm Uyên Nhi	25126123	Kinh tế	7.5			2.500.000
34	Võ Gia Thịnh	25142112	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
35	Phan Song Du	25144023	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
36	Trần Minh Nhật	25950034	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
37	Nguyễn Hồng Minh	24131084	Ngoại ngữ	7.5			2.500.000
38	Lê Huy Hoàng	25151036	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
39	Nguyễn Dương Anh Minh	25161054	Đào tạo Quốc tế	7.5			2.500.000
40	Nguyễn Hồng Thái Bảo	25146007	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
41	Đoàn Đức Thịnh	25142347	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000
42	Nguyễn Gia Phúc	25155064	Xây dựng	7.0			2.500.000
43	Phan Nguyễn Đăng Huy	25151045	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
44	Lê Phạm Minh Trí	25145124	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
45	Nguyễn Tài Vương	25143429	Cơ khí chế tạo máy	7.0			2.500.000
46	Thái Đông Dương	25145217	Cơ khí động lực	7.0			2.500.000
47	Võ Hoàng Tiến Phát	23119026	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000
48	Nguyễn Xuân Bình	25119059	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000
49	Huỳnh Gia Phúc	25145093	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000

50	Nguyễn Lê Phúc Minh	25142073	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
51	Nguyễn Hoàng Khang	25143263	Cơ khí chế tạo máy	7.0			2.500.000
52	Võ Phan Tấn Đạt	22110309	Công nghệ thông tin	7.0			2.500.000
53	Nguyễn Bá Toàn	25143395	Cơ khí chế tạo máy	7.0			2.500.000
54	Nguyễn Thái Hùng	25147098	Cơ khí động lực	7.0			2.500.000
55	Lê Thanh Nghi	24144059	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
56	Nguyễn Công Minh	23143068	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
57	Lê Huy Minh	24151052	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
58	Phan Ngọc Minh Thy	24162127	Công nghệ thông tin	7.0			2.500.000
59	Đặng Lê Gia Bảo	25151012	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
60	Phạm Văn Tuấn Đạt	25110016	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
61	Trương Phú Trọng	25144117	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
62	Nguyễn Hoàng Hà	25149009	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
63	Mashkin Nguyễn Duy Matvei	25119021	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
64	Nguyễn Minh Huy	25151044	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
65	Nguyễn Nhật Nguyên	25151086	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
66	Nguyễn Ngọc Khả Hân	25164019	Viện SPKT	7.0			2.500.000
67	Nguyễn Ngọc Cẩm Xuân	25156043	In và Truyền thông	7.0			2.500.000
68	Nguyễn Kim Đăng Tuấn	25142379	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000
69	Nguyễn Gia Bảo	25161101	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000

70	Lê Văn Vinh	25142122	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
71	Nguyễn Hòa Bình	25142165	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000
72	Trần Quang Huy	25156013	In và Truyền thông	7.0			2.500.000
73	Trần Gia Khang	25110029	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
74	Vũ Cao Khải	25151052	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
75	Nguyễn Tiến Dũng	25144030	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
76	Nguyễn Hải Minh	25151075	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
77	Đỗ Việt Thắng	25151110	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
78	Nguyễn Minh Nhật	25146250	Cơ khí chế tạo máy	7.0			2.500.000
79	Phạm Cao Trí	25151121	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
80	Đào Nghiệm Minh	25110042	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
81	Lâm Trọng Nhân	25142287	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000
82	Bảo Đăng Minh	24146055	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
83	Phan Minh Hiếu	25151032	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
84	Huỳnh Hoàng Phúc	25134081	Cơ khí chế tạo máy	7.0			2.500.000
85	Mai Nguyễn Nhựt Tiến	25146106	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
86	Trịnh Hoàng Bách	25128007	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
87	Phạm Hà Trọng Trí	25124061	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
88	Phạm Phương Nhi	25133051	Công nghệ thông tin	7.0			2.500.000
89	Hồ Quốc Tiến	25142358	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000

90	Phùng Lê Bảo Trâm	25156039	In và Truyền thông	7.0			2.500.000
91	Lưu Quốc Tuấn Vũ	25149303	Xây dựng	7.0			2.500.000
92	Lê Đăng Khoa	25110030	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
93	Tăng Gia Hân	25157025	Xây dựng	7.0			2.500.000
94	Nguyễn Lê Uyên Phương	25129060	Điện - Điện tử	7.0			2.500.000
95	Nguyễn Duy An	25144005	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
96	Lê Thái Sơn	25151106	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
97	Nguyễn Minh Nhật	25151089	Đào tạo Quốc tế	7.0			2.500.000
98	Lê Trọng Nhân	22950015	Ngoại ngữ		C1		2.500.000
99	Nguyễn Huỳnh Thảo Trân	23163053	Chính trị - Luật			HSK5	2.500.000
TỔNG CỘNG							247.500.000

Danh sách có 99 sinh viên./.

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.